

Số: 3748 /TCHQ-GSQL  
V/v: sản phẩm dinh dưỡng.

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2006

Kính gửi: Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng cục nhận được công văn số 223/06/DPVT ngày 20/6/2006 của Công ty TNHH Vĩnh Tâm đề nghị hướng dẫn về việc xin xác nhận mã số thuế đối với mặt hàng sản phẩm dinh dưỡng y tế đặc biệt đã được cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn, chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm. Sau khi trao đổi với cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế, Tổng cục hải quan có ý kiến như sau:

1. Về thời hiệu văn bản pháp quy của Bộ Y tế:

- Từ ngày 18/12/1996 đến ngày 30/5/2001 tất cả các sản phẩm thực phẩm đăng ký chất lượng theo Quy chế đăng ký chất lượng thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-BYT ngày 18/12/1996 của Bộ Y tế: Bản đăng ký chất lượng có giá trị 01 năm kể từ ngày ký.

- Từ ngày 30/5/2001 đến 08/12/2005 tất cả sản phẩm thực phẩm công bố chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm theo Quy định số 2027/2001/QĐ-BYT ngày 30/5/2001 của Bộ Y tế. Các sản phẩm thức ăn thay thế sữa mẹ vẫn đăng ký chất lượng theo Quy chế đăng ký chất lượng thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-BYT ngày 18/12/1996 của Bộ Y tế. Phiếu tiếp nhận Hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm có giá trị 03 năm kể từ ngày ký.

- Từ ngày 08/12/2005 đến thời điểm hiện tại tất cả sản phẩm thực phẩm công bố tiêu chuẩn sản phẩm theo Quy chế về công bố tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 42/2005/QĐ-BYT ngày 08/12/2005 của Bộ Y tế: Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm có giá trị 03 năm kể từ ngày ký.

- Theo văn bản pháp quy do Bộ Y tế ban hành qua từng thời điểm thì số đăng ký chất lượng; số phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; số giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm cũng có nghĩa và giá trị như nhau.

## 2. Về vụ việc cụ thể của Công ty TNHH Dược phẩm Vĩnh Tâm:

Các sản phẩm của Công ty TNHH Dược phẩm Vĩnh Tâm nhập khẩu thuộc tờ khai hải quan số 4058/NKD/KV4-2 ngày 7/6/2005, bao gồm các sản phẩm sau đây, là sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt dùng bệnh nhân nuôi ăn qua ống thông (ống xông):

| STT | Tên sản phẩm                      | Số phiếu tiếp nhận |
|-----|-----------------------------------|--------------------|
| 1   | Nutricomp Caloric mc              | 4304/2003/CBTB-YT  |
| 2   | Nutricomp Diabetic and            | 4305/2003/CBTB-YT  |
| 3   | Nutricomp Fiber and               | 4306/2003/CBTB-YT  |
| 4   | Nutricomp HN-High Nitrogen and    | 4307/2003/CBTB-YT  |
| 5   | Nutricomp Protein cc              | 4308/2003/CBTB-YT  |
| 6   | Nutricomp Renal and               | 4309/2003/CBTB-YT  |
| 7   | Nutricomp Standard and Strawberry | 4310/2003/CBTB-YT  |
| 8   | Nutricomp Standard and Chocolate  | 4311/2003/CBTB-YT  |
| 9   | Nutricomp Standard and Vanilla    | 4312/2003/CBTB-YT  |

Tổng cục hướng dẫn đề Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh biết và thực hiện./.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



*Nguyễn Ngọc Đức*

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục HQ các tỉnh, thành phố (để thực hiện)
- Cty Vĩnh Tâm (thay trả lời CV số 223)
- Lưu VT, GSQL (2b)